**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN**

**KHOA VIỆT NAM HỌC VÀ TIẾNG VIỆT**

**BỘ MÔN VIỆT NGỮ HỌC**

ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC

**LỊCH SỬ TIẾNG VIỆT**

(History of Vietnamese Language)

**1. Thông tin về giảng viên**

**1.1. Giảng viên 1:**

Họ và tên: **Vũ Văn Thi**

Chức danh, học vị: Giảng viên chính, PGS. TS.

Thời gian làm việc: Thứ 2 & thứ 6 hàng tuần

Địa điểm làm việc: Khoa Việt Nam học và Tiếng Việt, Nhà B7-Bis, Bách Khoa, Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Địa chỉ liên hệ: Khoa Việt Nam học và Tiếng Việt, Nhà B7-Bis, Bách Khoa, Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Điện thoại: (+84) 38693524

Email: vuvanthi@yahoo.com

Các hướng nghiên cứu chính:

• Lịch sử tiếng Việt.

• Ngữ pháp tiếng Việt.

• Ngôn ngữ học dạy tiếng.

**1.2. Giảng viên 2:**

Họ và tên: **Trần Nhật Chính**

Chức danh, học vị: Giảng viên chính, TS.

Thời gian làm việc: Thứ 2 & thứ 6 hàng tuần.

Địa điểm làm việc: Khoa Việt Nam học và Tiếng Việt, Nhà B7-Bis, Bách Khoa, Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Địa chỉ liên hệ: Khoa Việt Nam học và Tiếng Việt, Nhà B7-Bis, Bách Khoa, Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Điện thoại: (+84) 38694323

Email:

Các hướng nghiên cứu chính:

• Từ vựng tiếng Việt.

• Lịch sử tiếng Việt.

• Ngôn ngữ học dạy tiếng.

**2. Thông tin chung về môn học:**

• Tên môn học: **Lịch sử tiếng Việt**

• Mã môn học: VLC1150

• Số tín chỉ: 02

• Môn học: Bắt buộc

• Các môn học tiên quyết: Dẫn luận Ngôn ngữ học

• Môn học kế tiếp: Thể chế chính trị Việt Nam hiện đại

• Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:

+ Nghe giảng lý thuyết: 28

+ Thực hành: 2

+Tự học: 0

• Địa chỉ Khoa phụ trách môn học: Khoa Việt Nam học & Tiếng Việt, Trường ĐHKHXH&NV, B7-Bis, Bách Khoa, Hai Bà Trưng, Hà Nội.

**3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của môn học:**

**3.1. Mục tiêu chung:**

Môn học nhằm trang bị cho học viên những kiến thức cơ bản về lịch sử tiếng Việt.

Môn học giúp người học hiểu được quá trình phát triển của tiếng Việt trong lịch sử như:

- Nguồn gốc tiếng Việt, sự phát triển của tiếng Việt qua các thời kỳ lịch sử, nh÷ng nh©n tè t¸c ®éng ®Õn tiÕn tr×nh ph¸t triÓn cña TiÕng ViÖt trªn c¸c b×nh diÖn ng«n ng÷ nh­: ng÷ ©m, tõ vùng vµ ng÷ ph¸p.

- Sù h×nh thµnh vµ ph¸t triÓn ch÷ viÕt, vai trß cña ch÷ viÕt trong viÖc x©y dùng vµ ph¸t triÓn v¨n ho¸ d©n téc.

**3.2. Chuẩn đầu ra của môn học (Mục tiêu cụ thể):**

Học xong môn học này, sinh viên có được

**a. Về** **kiến thức:**

+ Nắm đựơc tri thức về nguồn gốc tiếng Việt như:

- Tiếng Việt trong họ các ngôn ngữ Đông Nam Á

- Nhóm ngôn ngữ tiền Việt - Mường

- Ngôn ngữ Việt Mường chung.

- Tiếng Việt hiện nay

+ Nắm đựơc tri thức về tiếng Việt qua các thời kỳ lịch sử như:

- Giai đoạn Môn - Khơ-me

- Giai đoạn tiền Việt - Mường

- Giai đoạn Việt - Mường cổ

- Giai đoạn Việt - Mường chung

- Giai đoạn tiếng Việt cổ

- Tiếng Việt trung đại

- Tiếng Việt hiện đại

+ Nắm được tri thức về sự phát triển chữ viết tiếng Việt như:

+ Việc sử dụng chữ Hán ở Việt Nam

+ Sự ra đời và phát triển của chữ Nôm

+ Sự ra đời và phát triển của chữ quốc ngữ.

- Nắm được tri thức về sự phát triển Tiếng Việt hiện đại và quá trình giao lưu ngôn ngữ với các ngôn ngữ hiện đại khác như: tiếng Trung, tiếng Thái, tiếng Pháp, tiếng Anh...

**b. Về kỹ năng:**

- Nhận diện, phân loại và phân biệt được các họ các ngôn ngữ;

- Thiết kế được một đề cương nghiên cứu khoa học về một vấn đề nào đó về lịch sử tiếng Việt;

- Phát hiện được vấn đề nghiên cứu về lịch sử tiếng Việt

- Xây dựng giả thuyết nghiên cứu về lịch sử tiếng Việt

- Phân tích được cấu trúc của một văn bản tiếng Việt;

- Trình bày được kết quả nghiên cứu khoa học về một vấn đề lịch sử tiếng Việt.

**c. Về thái độ:**

**-** Hình thành phương pháp học tập ở bậc đại học theo phong cách của người nghiên cứu khoa học.

- Hình thành thái độ khách quan, khoa học trong học tập và nghiên cứu khoa học trong ngôn ngữ học.

- Hình thành nên sự yêu thích và mong muốn học hỏi, nghiên cứu về tiếng Việt.

- Tự tin ở năng lực nghiên cứu khoa học của bản thân

**3.3. Bảng tổng hợp chuẩn đầu ra của môn học** (Mục tiêu chi tiết):

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Mục tiêu**  **Nội dung** | **Bậc I** | **Bậc II** | **Bậc III** |
| **Nội dung**  **1**  Giới thiệu  tổng quan môn học | I.A.1. Nêu được các mục quan trọng nhất trong đề cương môn học  I.A.2. Viết lại được tổng quan môn học trong khoảng 150 từ | I.B.1. Xác định được kế hoạch học tập môn học theo đề cương môn học |  |
| **Nội dung**  **2**  Khái quát  ngôn ngữ học  so sánh  lịch sử | II.A.1. Nêu được các nội dung cơ bản của ngôn ngữ học so sánh lịch sử  II.A.2. Liệt kê được các các họ ngôn ngữ thế giới. | II.B.1. Xác định được các tiêu chí phân loại họ ngôn ngữ thế giới  II.B.2. Xác định được tiêu chí xác định họ ngôn ngữ Đông Nam Á | II.C.1. Phân tích các tiêu chí xếp loại vào họ các ngôn ngữ. |
| **Nội dung**  **3**  Họ các ngôn ngữ Đông Nam Á và Ngôn ngữ Môn - Khơ me. | III.A.1. Nêu lên được các ngôn ngữ thuộc họ ngôn ngữ Đông Nam Á    III.A.2. Nêu lên được các cách thức phân loại ngôn ngữ Môn Khơ me. | III.B.1. Nhận diện được các loại hình ngôn ngữ Môn - Khơ Me trong các ngôn ngữ Đông Nam Á.  III.B.2. Nắm được những tiêu chí cơ bản xếp loại ngôn ngữ Môn - Khơ me. | III.C.1. Phân tích các yếu tố cơ bản của ngôn ngữ Môn Khơ - me. |
| **Nội dung**  **4**  Ngôn ngữ tiền Việt - Mường và Việt Mường chung | IV.A.1. Nêu lên được  các đặc trưng cơ bản của ngôn ngữ tiền Việt -Mường.  IV.A.2. Nêu lên được những đặc trưng cơ bản của ngôn ngữ Việt Mường chung. | IV.B.1. Nắm vững các yếu tố cơ bản của ngôn ngữ tiền Việt - Mường.  IV.B.2. Nắm được các đặc điểm, các yếu tố của ngôn ngữ Việt Mường chung | IV.C.1. Phân tích, đánh giá cấu trúc logíc phát triển từ tiền Việt Mường đến Việt Mường chung. |
| **Nội dung**  **5**  Tiếng Việt cổ  và  tiếng Việt trung đại. | V.A.1 Liệt kê được các đặc điểm cơ bản của tiếng Việt cổ  V.A.2. Liệt kê được các đặc điểm cơ bản của tiếng Việt trung đại. | V.B.1. Nắm được những đặc trưng cơ bản của tiếng Việt cổ đại trên các phương diện ngôn ngữ học  V.B.2. Nắm được những đặc trưng của tiếng Việt trung đại trên các phương diện ngôn ngữ học. | V.C.1. Phân tích, so sánh những điểm khác biệt giữa tiếng Việt cổ đại và tiếng Việt Trung đại. |
| **Nội dung**  **6**  Tiếng  Việt  hiện  đại | VI.A.1. Trình bày được khái niệm tiếng Việt hiện đại.  VI.A.2. Nêu lên được các vùng phương ngữ của tiếng Việt hiện đại | VI.B.1. So sánh được những chuyển biến hệ thống ngữ âm tiếng Việt hiện đại và trung đại  VI.B.2. Nắm được sự khác nhau cơ bản về ngữ pháp giữa tiếng Việt trung đại và tiếng Việt hiện đại.  VI.B.3. So sánh đặc trưng hệ thống từ vựng tiếng Việt trung đại và tiếng Việt hiện đại. | VI.C.1. Phân tích trình tự logíc phát triển của tiếng Việt trung đại và tiếng Việt hiện đại.  VI.C.2. Nhận xét về quan hệ logíc giữa kế thừa và phát triển trong ngôn ngữ. |
| **Nội dung**  **7**  Việc  sử dụng  chữ Hán  ở  Việt Nam | VII.A.1. Trình bày được bản chất lịch sử của việc sử dụng chữ Hán ở Việt Nam.  VII.A.4. Liệt kê được các quá trình lịch sử sử dụng chữ Hán ở Việt Nam. | VII.B.1. Giải thích được mối liên hệ logíc của việc sử dụng tiếng Hán với nền giáo dục của Việt Nam  VII.B.2. Nắm chắc vai trò của chữ Hán trong đời sống, xã hội Việt Nam. | VII.C.1. Phân tích, đánh giá mặt tiêu cực và tích cực của việc sử dụng chữ Hán ở Việt Nam. |
| **Nội dung**  **8** Sự ảnh hưởng của chữ Hán vào tiếng Việt và vấn đề từ Hán Việt | VIII.A.1. Nêu được sự tác động của chữ Hán đối với tiếng Việt  VIII.A.2. Lịêt kê các yếu tố gốc Hán cơ bản tác động đến sự phát triển tiếng Việt. | VIII.B.1. Nắm được ưu điểm và hạn chế của của chữ Hán đối với sự phát triển tiếng Việt.  VIII.B.2. Mô tả được các đặc điểm của từ Hán -Việt. | VIII.C.1. Đánh giá sự ảnh hưởng mạnh mẽ của chữ Hán trong sự phát triển tiếng Việt.  VIII.C2. Lập bảng các yếu tố gốc Hán trong tiếng Việt hiện đại. |
| **Nội dung**  **9**  Sự xuất hiện và vai trò của chữ Nôm trong lịch sử  tiếng Việt | IX.A.1. Nêu được sự ra đời và phát triển của chữ Nôm.  IX.A.2. Mô tả được các đặc điểm văn tự của chữ Nôm. | IX.B.1. Xác định được vai trò của chữ Nôm trong việc khẳng định ý thức độc lập tự chủ của dân tộc  IX.B.2. Nắm được vai trò của chữ Nôm trong việc bảo tồn và phát triển các yếu tố thuần Việt. | IX.C.1. Phân tích sự xuất hiện của chữ Nôm trong lịch sử tiếng Việt.  IX.C.2. Đánh giá vai trò của chữ Nôm trong lịch sử tiếng Việt. |
| **Nội dung 10**  Tiếng Việt  hiện đại | XI.A.1. Nêu được các đặc trưng của tiếng Việt hiện đại (TVHĐ).  XI.A.2. Nêu được các yếu tố của hệ thống Ngữ âm tiếng Việt.  XI.A.3. Nêu được các đặc điểm của hệ thống Từ vựng và hệ thống Ngữ pháp TVHĐ | XI.B.1.Trình bày hệ thống Ngữ âm tiếng Việt hiện đại.  XI.B.2. Trình bày được các đặc điểm của hệ thống Từ vựng tiếng Việt hiện đại.  XI.B.3. Trình bày được hệ thống Ngữ pháp TVHĐ. | XI.C.1. Phân tích vai trò tiếng Việt với tư cách là một ngôn ngữ chính thống (có khả năng thể hiện được mọi lĩnh vực của đời sống xã hội như: văn hoá, văn học, KHKT,... v.v.) |
| **Nội dung 11**  Tác động của các ngôn ngữ khác  đối với tiếng Việt | XII.A.1. Trình bày được sự tác động của tiếng Pháp đối với sự phát triển của Tiếng Việt.  XII.A.2. Trình bày được sự tác động của tiếng Nga, tiếng Anh và các ngôn ngữ khác trong tiến trình phát triển của tiếng Việt. | XII.B.1. Nắm được mối liên hệ lịch sử giữa chế độ Pháp thuộc, sự tác động của nền giáo dục Pháp đối với sự phát triển của tiếng Việt.  XII.B.2. Hiểu được sự tác động của các ngôn ngữ khác trong sự phát triển của tiếng Việt. | XI.C.1. Đánh giá sự tác động của nền giáo dục Pháp đối với sự phát triển của tiếng Việt.  XI.C.2. Đánh giá sự tác động của các ngôn ngữ khác trong sự phát triển của tiếng Việt. |
| **Nội dung 12**  Sự ra đời và vai trò của chữ quốc ngữ đối với sự phát triển tiếng Việt. | XIII.A.1. Nêu được sự ra đời chữ quốc ngữ (CQN) và vai trò của các nhà truyền giáo phương tây.  XIII.A.2.Trình bày được sự phát triển của CQN từ khi ra đời đến nay. | XIII.B.1. Hiểu được nguyên nhân ra đời và phát triển chữ quốc ngữ ở Việt Nam.  XIII.B.2. Nắm được tầm quan trọng đối với sự ra đời của chữ quốc ngữ. | XI.C.1. Phân tích, đánh giá tình hình truyền bá chữ quốc ngữ trong bối cảnh khu vực: ở Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Phi-lip-pin, In-đô-nê-xi-a… |

**4. Tóm tắt nội dung môn học**:

Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về lịch sử tiếng Việt bao gồm các nội dung chính như: Tiếng Việt trong bối cảnh các ngôn ngữ Đông Nam Á, họ ngôn ngữ Nam Á trong đó có tiếng Việt; cung cấp những tri thức về các giai đoạn phát triển chủ yếu của tiếng Việt trong lịch sử như: giai đoạn ngôn ngữ Môn - Khơ Me, giai đoạn ngôn ngữ tiền Việt Mường, giai đoạn ngôn ngữ Việt Mường chung, giai đoạn tiếng Việt cổ, tiếng Việt trung cổ và tiếng Việt hiện đại. Môn học cũng cung cấp những tri thức về sự tác động mạnh mẽ của tiếng Hán đối với sự phát triển của tiếng Việt, cung cấp những tri thức về sự ảnh hưởng của các ngôn ngữ khác như tiếng Pháp, tiếng Nga, tiếng Anh…v.v, vào tiếng Việt trong quá trình phát triển. Môn học cũng cung cấp những tri thức về vai trò của chữ viết trong lịch sử phát triển tiếng Việt như chữ Hán, chữ Nôm và chữ quốc ngữ, đặc biệt sự ra đời của chữ quốc ngữ và những tác động của nó đối với sự phát triển của tiếng Việt hiện đại.

**5. Nội dung chi tiết môn học** :

**5.1. Nội dung 1: Giới thiệu tổng quan môn học**

1. Nhập môn: Lịch sử tiếng Việt

2. Tổng quan môn học

3. Lập kế hoạch học tập môn học theo đề cương môn học

**5.2. Nội dung 2: Khái quát về ngôn ngữ học so sánh lịch sử**

1. Các nội dung cơ bản của ngôn ngữ học so sánh lịch sử

2. Họ các họ ngôn ngữ thế giới.

3. Các tiêu chí phân loại họ ngôn ngữ thế giới

4. Các tiêu chí xác định họ ngôn ngữ Đông Nam Á

**5.3. Nội dung 3**: **Họ các ngôn ngữ Đông Nam Á và**

**Ngôn ngữ Môn - Khơme.**

1. Các ngôn ngữ thuộc họ ngôn ngữ Đông Nam Á

2. Các phương thức phân loại ngôn ngữ Môn Khơme.

3. Ngôn ngữ Môn - Khơ Me trong các ngôn ngữ Đông Nam Á.

4. Những đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ Môn - Khơme.

**5.4. Nội dung 4: Ngôn ngữ tiền Việt-Mường và Việt Mường chung**

1. Những đặc trưng cơ bản của ngôn ngữ tiền Việt - Mường.

2. Những đặc trưng cơ bản của ngôn ngữ Việt Mường chung

**5.5. Nội dung 5: Tiếng Việt cổ và tiếng Việt trung đại.**

- Những đặc điểm cơ bản của tiếng Việt cổ đại

- Những đặc điểm cơ bản của tiếng Việt trung đại.

**5.6. Nội dung 6: Tiếng Việt hiện đại**

1. Khái quát về tiếng Việt hiện đại.

2. Các vùng phương ngữ của tiếng Việt hiện đại

3. So sánh những sự khác biệt cơ bản giữa tiếng Việt trung đại và hiện đại.

**5.7. Nội dung 7: Việc sử dụng chữ Hán ở Việt Nam**

1. Việc sử dụng tiếng Hán với nền giáo dục của Việt Nam

2. Vai trò của chữ Hán trong đời sống, xã hội Việt Nam.

3. Quá trình lịch sử của việc sử dụng chữ Hán ở Việt Nam.

**5.8. Nội dung 8: Sự ảnh hưởng của chữ Hán vào tiếng Việt và**

**vấn đề từ Hán Việt**

1. Sự tác động của chữ Hán đối với tiếng Việt

2. Các yếu tố gốc Hán cơ bản tác động đến sự phát triển tiếng Việt.

3. Các đặc điểm của từ Hán Việt.

**5.9. Nội dung 9: Sự xuất hiện chữ Nôm và**

**vai trò của chữ Nôm trong lịch sử tiếng Việt**

1. Sự ra đời và phát triển của chữ Nôm.

2. Các đặc điểm văn tự của chữ Nôm.

3. V.trò của chữ Nôm trong việc khẳng định ý thức độc lập tự chủ dân tộc

4. Vai trò của chữ Nôm trong việc bảo tồn và phát triển các yếu tố ngôn

ngữ thuần Việt.

**5.10. Nội dung 10: Tiếng Việt hiện đại**

1. Các đặc trưng của tiếng Việt hiện đại.

2. Các yếu tố của hệ thống Ngữ âm tiếng Việt.

3. Những đặc điểm của hệ thống Từ vựng tiếng Việt hiện đại

4. Những đặc điểm cơ bản của hệ thống Ngữ pháp tiếng Việt hiện đại

**5.11. Nội dung 11: Sự tác động của các ngôn ngữ khác**

**đối với sự phát triển của tiếng Việt**

1. Sự tác động của tiếng Pháp đối với sự phát triển của Tiếng Việt.

2. Sự tác động của nền giáo dục Pháp đối với sự phát triển của tiếng Việt.

3. Sự tác động của tiếng Nga, tiếng Anh và các ngôn ngữ khác trong tiến trình phát triển của tiếng Việt.

**5.12. Nội dung 12: Sự ra đời của chữ quốc ngữ và**

**vai trò của nó đối với sự phát triển của tiếng Việt.**

1. Quá trình truyền bá chữ quốc ngữ ở Việt Nam và vai trò của các nhà

truyền giáo phương Tây.

2. Sự phát triển của chữ quốc ngữ từ khi ra đời đến nay.

3. Nguyên nhân tồn tại và phát triển chữ quốc ngữ ở Việt Nam.

4. Tầm quan trọng của sự ra đời của chữ quốc ngữ đối với sự phát triển

tiếng Việt hiện đại.

**6. Học liệu**

**6.1. Học liệu bắt buộc:**

1. Trần Trí Dõi, Giáo trình lịch sử tiếng Việt (sơ thảo), Nxb ĐHQGHN, 2005. Phòng tư liệu Khoa Ngôn ngữ học, ĐHKHXH&NV, ĐHQG HN.

2. Lê Quang Thiêm, Lịch sử từ vựng tiếng Việt thời kỳ 1858 -1945, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2003.

3. Nguyễn Thiện Giáp (chủ biên), Lược sử Việt ngữ học, tập I, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2005.

**6.2. Học liệu tham khảo:**

4. Nguyễn Tài Cẩn, Nguồn gốc và quá trình hình thành cách đọc Hán-Việt, Nxb Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Hà Nội, 1979.

5. Nguyễn Tài Cẩn, Một số vấn đề chữ Nôm, Nxb Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Hà Nội, 1985.

6. Nguyễn Tài Cẩn, Giáo trình ngữ âm tiếng Việt, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1998.

7. Hoàng Thị Châu, Mối liên hệ về ngôn ngữ cổ đại ở Đông Nam Á qua một vài tên sông, Thông báo khoa học ĐHTH HN, tập 3, Hà Nội, 1964.

8. Đoàn Thiện Thuật, Ngữ âm tiếng Việt, Nxb Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Hà Nội, 1997.

9. Trần Trí Dõi, Về quá trình hình thành thanh của một vài thổ ngữ/ngôn ngữ Việt-Mường, Ngôn ngữ, số1, 1981.

10. Trần Trí Dõi, Về các âm đầu tiền thanh hầu hóa (Préglottalisée), Ngôn ngữ, số 2-1991.

11. Trần Trí Dõi, Các ngôn ngữ thành phần của nhóm Việt-Mường, Ngôn ngữ, số 3-1996.

13. Phạm Đức Dương, Về mối quan hệ nguồn gốc của các ngôn ngữ nhóm Việt-Mường, Ngôn ngữ, số 4, 1991.

14. Hồ Lê, Từ Nam Á trong tiếng Việt (Tiếng Việt và các ngôn ngữ dân tộc ở phía Nam), Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1992.

15. Nguyễn Văn Lợi, Về quá trình hình thành sự đối lập âm vực thanh điệu trong các ngôn ngữ Việt-Mường. Ngôn ngữ, số1 (102)/1997.

16. Hà Văn Tấn, Giao lưu văn hoá ở người Việt cổ (Văn hoá học học đại cương và cơ sở văn hoá Việt Nam), Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1996.

17. Lý Toàn Thắng, Vai trò của Alexandre de Rhodes đối với sự chế tác và hoàn thiện chữ quốc ngữ, Ngôn ngữ, số 1 (98)/1996.

18. Ferlus, Vietnamien et proto Viet-Muong, ASEMI, VI, 4, 1975.

19. Ferlus, Vocalisme du Proto Viet- Muong, 24 th ICSTLL, Ramkhangheang U. and Chiang Mai U.

20. Haudricourt A.G, Vị trí của tiếng Việt trong các ngôn ngữ Nam Á, Ngôn ngữ, số1, 1991.

21. Rhode A. de (1651), Từ điển Annam - Lusitan - Latinh, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1991.

22. Xokolovxkaja N.K, Về sự phân loại nội bộ các ngôn ngữ của nhóm Việt Mường, Ngôn Ngữ số 2 (36)/1978.

23. Yan Qixiang, Zho Zhizhi, The Mon-Khmer languages in China and Austro-Asiatic languages, The Central University for Nationalities, Press.

**7. Hình thức tổ chức dạy học:**

**7.1. Lịch trình chung:**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Hình thức tổ chức dạy môn học** | | | | | **Tổng số** |
| Lên lớp | | | Thực  tế | Tự  học |
| Lý  thuyết | Bài  tập | Thảo  luận |
| Tuần 1: Nội dung 1 | 1 |  |  |  |  |  |
| Tuần 2: Nội dung 2 | 2 |  |  |  |  |  |
| Tuần 3: Nội dung 3 | 2 |  |  |  |  |  |
| Tuần 4: Nội dung 4 | 2 |  |  |  |  |  |
| Tuần 5: Nội dung 5 | 2 |  |  |  |  |  |
| Tuần 6: Nội dung 6 | 2 |  |  |  |  |  |
| Tuần 7: Nội dung 7 | 2 |  |  |  |  |  |
| Tuần 8: Nội dung 8  **& K.tra giữa kì** | 2 | 1 |  |  |  |  |
| Tuần 9: Nội dung 9 | 2 |  |  |  |  |  |
| Tuần 10: Nội dung 10 | 2 |  |  |  |  |  |
| Tuần 11: Nội dung 10 | 2 |  |  |  |  |  |
| Tuần 12: Nội dung 10 | 2 |  |  |  |  |  |
| Tuần 13: Nội dung 11 | 2 |  |  |  |  |  |
| Tuần 14: Nội dung 12 | 2 |  |  |  |  |  |
| Tuần 15: Ôn tập | 2 |  |  |  |  |  |
| **Tổng số giờ tín chỉ** | **29** | **1** |  |  |  | **30** |
| **Tổng số giờ trên lớp** | **29** | **1** |  |  |  | **30** |

**7.2. Lịch trình tổ chức dạy học cụ thể:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức,tổ chức dạy học** | **Thời gian, địa điểm** | **Nội dung chính** | **Yêu cầu sinh viên**  **chuẩn bị** | **Ghi chú** |
|  |  | **Tuần 1** |  |  |
| Lý thuyết | 1 giờ  trên lớp | **Nội dung 1**  1. Giới thiệu ĐCMH.  2. Giới thiệu TQMH  3.Giới thiệu các loại BT  4. Chia nhóm học tập | 1.Đọc ĐCMH  2. Chuẩn bị làm kế hoạch học tập môn học; cbị học liệu và câu hỏi để hỏi GV.  3.Chọn BT nhóm |  |
| Tự học | Thư viện,  ở nhà |  | Chuẩn bị tư liệu cần thiết cho 12 nội dung |  |
| K.tra.Đ.giá |  | Giáo viên kiểm tra đánh giá các phần s/v chuẩn bị. |  |  |
| Tư vấn |  |  | 1. Gặp GV trao đổi khi có v/đề về ch.môn.  2. Đề xuất ý kiến về ND MH cho phù hợp. |  |
|  |  | **Tuần 2** |  |  |
| Lý thuyết | 2 giờ  trên lớp | **Nội dung 2**  1. Các khái niệm về ngôn ngữ học so sánh lịch sử.  2. Tình hình nghiên cứu lịch sử tiếng Việt ở VN và thế giới. | 1. Đọc tài liệu (1), tr17-30  2. Đọc tài liệu (3), tr15-26 |  |
| Bài tập | ở nhà |  | Trao đổi nhóm về các nội dung đã học ở trên lớp. |  |
| Tự học | Thư viện | Giao BTCN / tuần 2 |  |  |
|  |  | **Tuần 3** |  |  |
| Lý thuyết | 2 giờ  trên lớp | **Nội dung 3**  Cho BT ở nhà | 1. Làm các bài tập ở nhà và chuẩn bị câu hỏi, hỏi GV.  2. Đọc TLTK 1, tr.19-41; tr.150-154.  3. Đọc TLTK 3, tr.20-27 |  |
| Tự học, đọc tài liệu | Thư viện,  ở nhà |  | 1. Làm BTCN/tuần  2. Đọc TLTK |  |
| K.tra.Đ.giá |  | Thu BTCN/tuần 2; giao BTCN tuần 3. | Nộp BTCN/tuần 2 |  |
|  |  | **Tuần 4** |  |  |
| Lý thuyết | 2 giờ  trên lớp | **Nội dung 4**  1. Các đặc điểm của ngôn ngữ tiền Việt Mường.  2. Vẽ sơ đồ các ngôn ngữ tiền Việt Mường  3. Các đặc điểm của ngôn ngữ tiền Việt-Mường | Đọc TL.1, tr 154-176; TL.3, tr15-27 |  |
| Tự học,  đọc tài liệu | Thư viện,  ở nhà |  | 1. Làm BTCN/tuần  2. Trao đổi nhóm, so sánh sự khác biệt giữa ngôn ngữ tiền Việt-Mường và Việt-Mường chung. |  |
| Kiểm tra  Đánh giá |  | Thu BTCN/tuần 3; giao BTCN/tuần 4 | Nộp BTCN/tuần 3 |  |
|  |  | **Tuần 5** |  |  |
| Lý thuyết | 2 giờ  trên lớp | **Nội dung 5**  1. Các đặc điểm cơ bản của tiếng Việt cổ đại.  2. Các đặc điểm cơ bản của tiếng Việt trung đại.  3. So sánh để thấy được sụ phát triển từ tiếng Việt cổ đại đến tiếng Việt trung đại. | Đọc TL.1, tr186-200; TL.3, tr.85-112. |  |
| Tự học,  đọc tài liệu | Thư viện,  ở nhà |  | 1. Làm BTCN/tuần  2. Làm BT lớn/tháng.  3. Chọn một vấn đề nghiên cứu về LSTV |  |
| Kiểm tra  Đánh giá |  | Thu BTCN/tuần 4; giao BT lớn/tháng | Nộp BTCN/tuần 4 |  |
|  |  | **Tuần 6** |  |  |
| Lý thuyết | 2 giờ  trên lớp | **Nội dung 6**  1. Những đặc điểm của tiếng Việt hiện đại.  2. Các vùng phương ngữ của tiếng Việt hiện đại. | 1. Đọc TL.1 tr.205-210. TL.2 tr.30-36; tr. 65-70; TL.3 tr.51-63 |  |
| Bài tập | ở nhà |  | 1. Đọc TL.3 tr. 51 - 136  2. Trao đổi về sự khác biệt giữ TV trung đại và TV hiện đại.  2. Trao đổi về những sự khác biệt giữ các vùng phương ngữ. |  |
| Tự học, đọc tài liệu | Thư viện,  ở nhà |  | Chọn đọc 2 bài trong tạp chí Ngôn ngữ |  |
| K.tra.Đ.giá |  | 1. Thu BTlớn/tháng; giao BTCN/tuần 6 | 1. Nộp BTlớn/tháng |  |
|  |  | **Tuần 7** |  |  |
| Lý thuyết | 2 giờ  trên lớp | **Nội dung 7**  1. Quá trình sử dụng chữ Hán ở Việt Nam trong lịch sử.  2. Vai trò của chữ Hán đối với giáo dục, xã hội và văn hóa Việt Nam. | Đọc TL.1, tr. 200-205;  TL.3, tr. 85-112. |  |
| Tự học, đọc tài liệu | Thư viện,  ở nhà |  | 1. Tìm đọc một tài liệu về từ gốc Hán và ch.bị câu hỏi, hỏi GV. |  |
| K.tra.Đ.giá |  | 1.Thu BTCN/tuần 6; giao BTCN/tuần 7  2.Thông báo kiểm tra giữa kỳ | Nộp BTCN tuần 6 |  |
|  |  | **Tuần 8** |  |  |
| Lý thuyết | 1 giờ  trên lớp | **Nội dung 8**  1. Sự tác động của tiếng Hán đối với sự phát triển tiếng Việt.  2. Vai trò của các yếu tố gốc Hán trong việc cấu tạo từ tiếng Việt. | Đọc TL.2, tr.30-47; TL.3.tr.15-151 |  |
| Bài tập | ở nhà | 1. Lập danh mục các yếu tố gốc Hán trong TV  2. K.tra giữa kỳ (60 phút) | Tìm và liệt kê các yếu tố gốc Hán trong tiếng Việt qua một văn bản khoảng 600 từ. |  |
| Tự học, đọc tài liệu | Thư viện,  ở nhà |  | Chọn đọc 3 tài liệu tham khảo về từ Hán-Việt. |  |
| K.tra.Đ.giá |  | 1.Thu BTCN/tuần 7 | 1. Nộp BTCN/tuần 7 |  |
|  |  | **Tuần 9** |  |  |
| Lý thuyết | 1 giờ  trên lớp | **Nội dung 9**  1. Sự ra đời và phát triển của chữ Nôm.  2. Các đặc điểm văn tự của chữ Nôm.  3. Vai trò của chữ Nôm trong lịch sử TV. | Đọc TL.1, tr.235-243; TL.2,tr.30-47; TL.3,tr.64-84 |  |
| Tự học, đọc tài liệu | Thư viện,  ở nhà |  | Chọn một bài thơ chữ Hán và một bài thơ chữ Nôm, tập phân tích văn bản. |  |
| K.tra.Đ.giá |  | 1.Giao BTCN tuần 8  2. Giao BT nhóm |  |  |
|  |  | **Tuần 10** |  |  |
| Lý thuyết | 2 giờ  trên lớp | **Nội dung 10**  1. Đặc điểm ngôn ngữ nói TVHĐ.  2. Đặc điểm ngôn ngữ viết TVHĐ.  3. Khả năng thể hiện của tiếng Việt trong các lĩnh vực, đời sống, văn học, văn hoá, khoa học... | Đọc TL.1, tr.205-211; TL.3,tr.51-63;tập bài giảng (2) (Slide 185-193) |  |
| Bài tập | ở nhà | 1. Thảo luận về ngôn ngữ hội thoại TV.  2. Thảo luận về cấu trúc một văn bản TV.  3. Thảo luận về khả năng biểu đạt của TV hiện đại. | 1. Tóm tắt ý chính TLTK.  2. Chuẩn bị câu hỏi, hỏi GV |  |
| Tự học, đọc tài liệu | Thư viện,  ở nhà |  | Đọc TL.3, tr 332-360 |  |
| K.tra.Đ.giá |  | 1.Thu BTCN/tuần 8; giao BTCN/tuần 9 | Nộp BTCN/tuần 8 |  |
|  |  | **Tuần 11** |  |  |
| Lý thuyết | 2 giờ  trên lớp | **Nội dung 10**  1. Đặc điểm âm tiết TV.  2. Hệ thống nguyên âm TV  3. Hệ thống phụ âm TV. | Đọc TL.1, tr.205-210; TL.3, tr.145-171. |  |
| Bài tập | ở nhà |  | Đọc TLTK.8 |  |
| Tự học | Thư viện | 1. Thu BTCN/tuần 9 giao BTCN tuần 10 | Nộp BTCN/tuần 9 |  |
|  |  | **Tuần 12** |  |  |
| Lý thuyết | 2 giờ trên lớp | **Nội dung 10**  1. Đặc điểm hệ thống từ vựng tiếng Việt.  2. Đặc điểm hệ thống ngữ pháp tiếng Việt. | Đọc TL(2), tr.126-199; TL  (3), tr 172-185; tr.230- 251. |  |
| Bài tập | ở nhà |  | Đọc TL.3, tr.215-229; tr.231-252 |  |
| Tự học, đọc tài liệu | Thư viện,  ở nhà | Thu BTCN tuần 10; giao BTCN tuần 11 | Nộp BTCN tuần 10 |  |
|  |  | **Tuần 13** |  |  |
| Lý thuyết | 2 giờ trên lớp | **Nội dung 11**  1. Sự tác động của tiếng Pháp đối với TV.  2. Sự tác động của tiếng Trung đối với TV.  3.Sự tác động của tiếng Anh, Nga và các ngôn ngữ khác đối với TV. | Đọc TL(1), tr.214-226  TL (2), tr 200-249; TL.3, tr. 20-50. |  |
| Bài tập | ở nhà |  | Đọc TL.2, tr. 65-125. |  |
| Tự học, đọc tài liệu | Thư viện,  ở nhà | Giao BTCN/tuần 12 | Nộp BTCN tuần 11 |  |
|  |  | **Tuần 14** |  |  |
| Lý thuyết | 2 giờ  trên lớp | **Nội dung 12**  1. Sự ra đời CQN- vai trò các nhà truyền giáo.  2. Vai trò của CQN đối với sự phát triển TV. | Đọc TL(1), tr.244-251  TL.(2),tr.70-89; tr.230-251; TLTK.3. tr. 112 -131 |  |
| Bài tập | ở nhà |  | 1. Đọc TL 17, vai trò của Alexand de. Rhode đối với sự ra đời và phát triển CQN.  2. Nộp BTCN tuần 12 |  |
|  |  | **Tuần 15** |  |  |
| Lý thuyết  Thảo luận,  Trao đổi | 1 giờ trên lớp  1 giờ trên lớp | 1. Ôn tập các nội dung đã học và chuẩn bị các nội dung thi hết môn.  2. Hướng dẫn cách thi hết môn | 1. Các nhóm họp, thảo luận và phân công người báo cáo kết quả đọc TL đã được phân công.  2. Hỏi, đối thoại, tranh luận.  3. Chuẩn bị câu hỏi để giảng viên giải đáp.  4. Tự ôn tập, chuẩn bị thi hết môn |  |

**8. Chính sách đối với môn học:**

• Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ của môn học được ghi trong đề cương môn học.

• Các bài tập phải nộp đúng hạn, có thể làm lại nếu muốn điểm cao hơn.

• Đi học đầy đủ (nghỉ không quá 20% tổng số giờ).

• Chuẩn bị bài trước khi đến lớp theo hướng dẫn trong đề cương môn học.

**9. Phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập môn học.**

**9.1. Mục đích và trọng số kiểm tra:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức** | **Tính chất của nội dung kiểm tra** | **Mục đích kiểm tra** | **Trọng số** |
| Đánh giá  thường xuyên | Các vấn đề lí thuyết | Đánh giá khả năng nhớ và phản xạ trí tuệ | 5% |
| Bài tập  cá nhân | Một số vấn đề lí thuyết, vận dụng lý thuyết vào thực tiễn NCKH | Đánh giá ý thức học tập thường xuyên và kĩ năng làm việc độc lập, tự học, tự nghiên cứu | 10% |
| Bài tập  nhóm | Chủ yếu về thực hành và ứng dụng thực tiễn | Đánh giá kĩ năng hợp tác trong công việc, tinh thần trách nhiệm chung với nhóm. | 10% |
| Bài tập lớn | Kết hợp lí luận và ứng dụng thực tiễn | Đánh giá kĩ năng nghiên cứu độc lập và kĩ năng trình bày | 10% |
| Bài kiểm tra  giữa kỳ | Kết hợp lí luận và ứng dụng thực tiễn | Đánh giá khả năng nhớ và hiểu vấn đề | 15% |
| Bài thi  hết môn | Kết hợp lí luận và khả năng ứng dụng | Đánh giá khả năng hiểu và trình bày vấn đề, khả năng ứng dụng vào nghiên cứu | 50% |

9.2. Tiêu chí đánh giá các loại bài tập và kiểm tra đánh giá:

9.2.1. Bài tập viết cá nhân/tuần:

Loại bài tập này thường dùng để kiểm tra sự chuẩn bị, tự nghiên cứu của sinh viên về một vấn đề không lớn nhưng trọn vẹn. Các tiêu chí đánh giá các loại bài tập này có thể bao gồm:

**a. Nội dung:**

1. Xác định vấn đề nghiên cứu, nhiệm vụ nghiên cứu rõ ràng, hợp lí.

2. Thể hiện kĩ năng phân tích, tổng hợp trong việc giải quyết các nhiệm vụ nghiên cứu.

3. Có bằng chứng về việc sử dụng các tài liệu do GV hướng dẫn.

**b. Hình thức:**

4. Ngôn ngữ trong sáng, trích dẫn hợp lệ, không dài quá so với qui định của giảng viên (Ví dụ: không dài quá 1 trang A4).

Ngoài ra, tuỳ vấn đề mà giảng viên có thể có các tiêu chí đánh giá riêng.

**9.2.2. Loại bài tập nhóm/tháng:** Do yêu cầu đặc thù của loại bài tập này nên tiêu chí đánh giá bài tập nhóm tháng có thể được thể hiện qua báo cáo mà nhóm phải thực hiện theo mẫu sau:

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn

Khoa Khoa Tiếng Việt Văn hoá Việt Nam cho người nước ngoài.

BÁO CÁO KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU THEO NHÓM

Vấn đề nghiên cứu:

1. Danh sách nhóm và các nhiệm vụ được phân công.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Họ và tên | Nhiệm vụ được phân công | Ghi chú |
| 1 | Nguyễn Văn A |  | Nhóm trưởng |
| 2 | ... | ... |  |
| 3 | …. | …. |  |

2. Quá trình làm việc nhóm (miêu tả các buổi họp, có biên bản kèm theo).

3. Tổng hợp kết quả làm việc nhóm.

4. Kiến nghị, đề xuất (nếu có).

Nhóm trưởng

*(Kí tên)*

**9.2.3. Loại bài tập lớn:**

**• Các tiêu chí chung về nội dung:**

1. Đặt vấn đề, xác định đối tượng nghiên cứu, nhiệm vụ nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu hợp lí và lôgíc.

2. Có bằng chứng rõ rệt về năng lực tư duy phê phán, kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá trong việc giải quyết các nhiệm vụ nghiên cứu.

3. Có bằng chứng về việc sử dụng các tài liệu, các công nghệ, phương pháp, giải pháp do giảng viên hướng dẫn.

Hình thức:

4. Bố cục hợp lí, ngôn ngữ trong sáng, trích dẫn hợp lệ, trình bày đẹp đúng qui cách.

**• Biểu điểm trên cơ sở mức độ đạt 4 tiêu chí:**

**- Điểm 9-10:** Đạt cả 4 tiêu chí

**- Điểm 7-8:**  Đạt 2 tiêu chí đầu; tiêu chí 3 chưa đầy đủ; tiêu chí 4 còn mắc lỗi.

**- Điểm 5-6:** Đạt tiêu chí 1; tiêu chí 2 chưa giải quyết trọn vẹn; tiêu chí 3&4 còn mắc lỗi nhỏ.

**- Điểm dưới 5:** Không đạt cả 4 tiêu chí.

**9.4. Lịch thi, kiểm tra (kể cả thi lại):**

- Lịch kiểm tra giữa kỳ: tuần 8 của học kỳ

- Lịch kiểm tra cuối kỳ: theo thông báo của Phòng đào tạo

- Lịch thi lại: theo thông báo của Phòng đào tạo

Hà Nội, ngày 26 tháng 6 năm 2013

**Duyệt Chủ nhiệm bộ môn Giảng viên**

*(Thủ trưởng đơn vị đào tạo) (Ký tên) (Ký tên)*